TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 429/2017/DS - ST
Ngày: 01/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Vũ Trung Kiên
Bà Lê Thị Minh Hải

-Thư ký phiên Tòa:Bà Dương Thị Lan Ngọc - *Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.*

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2016/TLST - DS ngày 04/8/2016 về việc:"Tranh chấp hợp đồng mua bán'' theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:204/2017/QĐXXST- DS ngày 15/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:Bà Lê Thị V; Sinh năm: 1972 (Có mặt).
Địa chỉ:Đường A, Phường K, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn:*
1/Bà Trần Thị Kim P; Sinh năm: 1978 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Đường D, Phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
2/Ông Lê Ngọc T; Sinh năm:1973 (Vắng mặt).
Địa chỉ:Đường Q, Phường G, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trương P1; Sinh năm: 1971 (Có mặt).
Địa chỉ: Đường A, Phường K, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2016 và Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/7/2017 bà Lê Thị V là nguyên đơn trình bày: Từ ngày 05/03/2015 bà có bán cho vợ chồng bà Trần Thị Kim P, ông Lê Ngọc T mặt hàng quần may sẵn, phương thức thanh toán giao hàng đến cuối

tuần trừ sổ dần và đến cuối năm trả hết số tiền còn nợ, tính đến ngày 26/01/2016 vợ chồng bà P, ông T còn thiếu 103.620.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng). Ngày 31/01/2016 ông T trả 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) nên còn thiếu 90.120.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm hai mươi ngàn đồng), lúc này bà giảm 20.000 đồng (Hai mươi ngàn đồng) cho bà P, ông T nên bà P, ông T còn thiếu lại 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng) và hứa trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tuy nhiên bà P, ông T vẫn không thực hiện đúng cam kết kéo dài cho đến nay. Nay bà yêu cầu bà P, ông T trả cho bà số tiền còn thiếu là 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng).

Tại bản tự khai ngày 26/5/2017 và Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/7/2017 bà Trần Thị Kim P là bị đơn trình bày:Bà kinh doanh quần áo may sẵn tại chợ Tân Bình. Năm 2015 bà có mua quần may sẵn của bà Lê Thị V, tính đến ngày 26/01/2016 bà còn thiếu tiền của bà V 103.620.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng). Ngày 31/01/2016 bà nhờ ông T trả cho bà V 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) nên còn nợ lại 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm hai mươi ngàn đồng) như bà V khai. Việc mua bán phát sinh lợi nhuận bà phục vụ cho cuộc sống chung của gia đình. Nay bà V yêu cầu bà trả số tiền còn thiếu là 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng) bà cũng đồng ý nhưng do bà đang gặp khó khăn nên phải chờ gia đình bà nhận được tiền giải tỏa nhà thì bà sẽ trả cho bà V trong thời gian sớm nhất.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2017, Biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2017 và Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/7/2017 ông Lê Ngọc T là bị đơn trình bày:Ông là chồng của bà Trần Thị Kim P. Từ ngày 05/03/2015 đến ngày 26/01/2016 bà P có mua bán quần may sẵn với bà Lê Thị V. Ngày 31/01/2016 bà P đưa cho ông 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) để trả cho bà V nên còn thiếu lại của bà V 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng). Việc làm ăn, tiền mua bán giữa bà P và bà V thì ông không biết và không liên quan gì. Bà P kinh doanh, lợi nhuận bà P phục vụ cho cuộc sống của gia đình. Nay bà V yêu cầu ông cùng có trách nhiệm với bà P trả số tiền 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng) ông không đồng ý mà chỉ hỗ trợ bà P trả nợ cho bà V.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2017 và Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/7/2017 ông Trương P1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông là chồng của bà Lê Thị V. Bà V kinh doanh quần may sẵn, tiền vốn kinh doanh là tài sản chung của ông và bà V. Nay ông có cùng yêu cầu với bà V yêu cầu bà P, ông T phải có trách nhiệm trả số tiền mua quần may sẵn còn thiếu là 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà V yêu cầu bà P, ông T phải thanh toán cho bà số tiền còn thiếu là 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng), trong thời hạn 20 (Hai mươi) ngày, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Bà không yêu cầu bà P, ông T trả lãi chậm trả.

Ông P1 có cùng yêu cầu với bà V.

Bà P, ông T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như các đương sự thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:Bà V cho rằng bà P, ông T còn thiếu tiền mua hàng của bà là 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng) nên yêu cầu bà P, ông T trả số tiền trên. Bà P thừa nhận còn nợ bà V 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng). Do vậy, việc bà V yêu cầu bà P, ông T trả số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bà Lê Thị V khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim P, ông Lê Ngọc T trả cho bà số tiền mua hàng còn thiếu là 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng), đây là vụ án dân sự tranh chấp về " Hợp đồng mua bán", bị đơn bà P, ông T có hộ khẩu thường trú tại quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20/7/2017 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất:Vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 15/8/2017. Ngày 11/8/2017 bà Trần Thị Kim P, ông Lê Ngọc T là bị đơn có xin hoãn phiên tòa. Ngày 15/8/2017 Hội đồng xét xử ra Quyết định Hoãn phiên tòa số:268/QĐST - DS với lý do bà P, ông T có đơn xin hoãn phiên tòa. Ngày 15/8/2017 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai:Vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 01/9/2017. Ngày 28/8/2017 ông T, bà P lại tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bà P sức khỏe không tốt nên không thể tham gia phiên tòa được nhưng bà P không có chứng cứ chứng minh bà có sức khỏe không tốt nên không có cơ sở chấp nhận đơn yêu cầu xin hoãn phiên tòa của ông T, bà P. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì phiên tòa vẫn được tiến hành theo quy định của pháp luật.

[2] Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà Lê Thị V và bà Trần Thị Kim P đều thừa nhận từ ngày 05/03/2015 bà V có bán cho bà Trần Thị Kim P mặt hàng quần may sẵn, tính đến ngày 26/01/2016 bà P còn thiếu 103.620.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng). Ngày 31/01/2016 ông T trả cho bà V 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) nên còn thiếu lại 90.120.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm hai mươi ngàn đồng), bà V giảm 20.000 đồng (Hai mươi ngàn đồng) cho bà P nên bà P còn thiếu lại 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng) chưa trả nghĩ nên buộc bà P phải trả cho bà V số tiền 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng) là thỏa đáng.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông T cho rằng năm 2015 bà P có mua bán quần may sẵn với bà V, ông có phụ bà P giao hàng; còn tiền mua bán giữa bà P và bà V ông không biết cũng như việc bà P có thiếu nợ bà V hay không ông không có liên quan gì, nên nay bà V yêu cầu ông cùng có trách nhiệm với bà P trả số tiền mua hàng còn thiếu là 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng) cho bà V, ông không đồng ý; Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào Giấy nhận nợ đề ngày 31/01/2016 của ông T ghi cho bà V cũng như lời khai của ông T thì ngày 31/01/2016 bà P đưa cho ông T 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) để trả cho bà V và ông T có hứa với bà V mỗi tháng trả cho bà V 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Như vậy, chứng tỏ ông T cùng với bà P mua bán mặt hàng quần may sẵn của bà V. Việc ông T cho rằng ông không liên quan đến việc mua bán của bà P là không có cơ sở chấp nhận; mặt khác bà P, ông T đều thừa nhận bà P kinh doanh, lợi nhuận bà P phục vụ cho cuộc sống chung của gia đình; Vì vậy ông T phải có trách nhiệm cùng bà P trả nợ cho bà V là phù hợp.

Trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa bà V, ông Trương P1 đều thừa nhận số vốn kinh doanh là tài sản chung của bà V, ông P1 nên bà P, ông T phải có trách nhiệm trả cho bà V, ông P1 số tiền trên.

Về tiền lãi:Tại phiên tòa bà V, ông P1 không yêu cầu bà P, ông T trả lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xét.

Về thời gian trả nợ: Căn cứ sự thừa nhận của các đương sự cũng như Giấy nhận nợ ngày 31/01/2016 thì bà P, ông T hứa trả nợ cho bà V mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), bắt đầu từ tháng 02/Âm lịch nhưng bà P, ông T không thực hiện đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ của người mua bán tài sản quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Do đó bà V, ông P1 đòi bà P, ông T phải trả số tiền 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng) cho bà V, ông P1 trong thời hạn 20 (Hai mươi) ngày, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật là yêu cầu chính đáng, phù hợp với pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Từ những phân tích ở trên xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà P, ông T phải trả tiền cho bà V, ông P1 nên phải chịu án phí theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể: 90.100.000 đồng x 5% = 4.505.000 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 430, 440, khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án năm 2009.

1.Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Kim P và ông Lê Ngọc T phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị V và ông Trương P1 số tiền 90.100.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm ngàn đồng) trong thời hạn 20 (Hai mươi) ngày, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị V, ông Trương P1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Kim P, ông Lê Ngọc T chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bà P, ông T còn phải trả cho bà V, ông P1 tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: 4.505.000 đồng (Bốn triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng) do bà Trần Kim P và ông Lê Ngọc T nộp.

Bà Lê Thị V được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp 2.252.500 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng) theo Biên lai thu số 0010949 ngày 01/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị V, ông Trương P1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Kim P, ông Lê Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu